DANH MỤC CHỨNG KHOÁN GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 11/2026
TẠI CTCP CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Ngày áp dụng:05/11/2026

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T11/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T10/2026	Thay đổi	
1	AAA	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	100	50	50	-	10,860
2	ACB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	100	50	50	-	31,950
3	AGG	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia	100	40	40	-	14,100
4	ANT	Công ty cổ phần Rau quả thực phẩm An Giang	100	50	50	-	22,950
5	ANV	Công ty Cổ phần Nam Việt	100	50	50	-	27,825
6	ASM	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	100	20	30	(10)	6,900
7	BAF	Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	100	50	50	-	40,000
8	BCM	Tổng Công ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp - CTCP	100	40	40	-	50,031
9	BFC	Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền	100	50	50	-	38,888
10	BIC	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam	100	50	50	-	28,275
11	BID	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	100	50	50	-	50,475
12	BMP	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	100	50	50	-	207,150
13	BSI	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	100	50	50	-	34,655
14	BSR	Công ty cổ phần Lọc Hóa dầu Bình Sơn	100	50	50	-	43,350
15	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	100	50	50	-	64,651
16	BVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	100	50	50	-	41,100
17	BWE	Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	100	50	50	-	60,838
18	CDC	Công ty Cổ phần Chương Dương	80	40	40	-	20,000
19	CEO	Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O	100	40	40	-	12,000
20	CII	Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật T.P Hồ Chí Minh	100	40	40	-	15,000
21	CMG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	100	50	50	-	28,725
22	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	100	50	50	-	29,250
23	CSM	Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	100	30	30	-	18,000
24	CSV	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam	100	50	50	-	31,485
25	CTD	Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	100	50	50	-	97,507
26	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	100	50	50	-	45,525
27	CTR	Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	100	50	50	-	75,664
28	CTS	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	100	50	50	-	25,185
29	DBC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	100	50	50	-	24,150
30	DCL	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	80	40	40	-	30,000
31	DCM	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	100	50	50	-	48,370
32	DGW	Công ty cổ phần Thế giới số	100	50	50	-	65,449
33	DHA	Công ty Cổ phần Hóa An	100	40	50	(10)	83,100
34	DHC	Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	100	50	50	-	55,725

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T11/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T10/2026	Thay đổi	
35	DHG	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	100	50	50	-	128,455
36	DIG	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	100	50	50	-	14,670
37	DNP	Công ty Cổ phần DNP Holding	100	50	50	-	19,500
38	DPG	Công ty Cổ phần Đạt Phương	100	50	50	-	34,873
39	DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	100	50	50	-	31,438
40	DPR	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	100	50	50	-	56,700
41	DRC	Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	100	30	30	-	14,025
42	DSE	CTCP Chứng khoán DNSE	100	30	-	30	20,037
43	DVP	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	100	40	40	-	111,600
44	DXG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	100	40	40	-	13,637
45	DXS	CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	100	30	-	30	7,515
46	EIB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	100	50	50	-	21,000
47	EVF	Công ty Tài Chính cổ phần Điện lực	100	50	50	-	15,000
48	FCN	Công ty Cổ phần Fecon	100	50	50	-	16,000
49	FMC	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	100	50	50	-	54,600
50	FPT	Công ty Cổ phần FPT	100	50	50	-	83,100
51	FRT	CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	100	50	50	-	102,846
52	FTS	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	100	50	50	-	20,000
53	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam-CTCP	100	50	50	-	118,007
54	GEE	Công ty cổ phần Điện lực Gelex	100	50	50	-	65,000
55	GEG	Công ty cổ phần Điện Gia Lai	100	30	30	-	17,925
56	GEL	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	100	40	40	-	25,573
57	GEX	Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX	100	50	50	-	21,000
58	GMD	Công ty Cổ phần Gemadept	100	40	50	(10)	69,730
59	GSP	Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	100	40	40	-	15,375
60	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	100	50	50	-	47,282
61	HAG	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	100	50	-	50	21,675
62	HAH	Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	100	50	50	-	75,300
63	HAX	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	100	20	20	-	12,780
64	**HCM**	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	100	50	50	-	25,000
65	HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh	100	50	50	-	32,350
66	HDC	Công ty Cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa-Vũng Tàu	100	40	50	(10)	17,175
67	HDG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	100	50	50	-	22,575
68	HHP	Công ty cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng	100	20	-	20	26,550
69	HHV	CTCP Quản lý và Khai thác Hầm Đường Bộ Hải Vân	100	40	40	-	14,280
70	HPG	Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	100	50	50	-	31,500
71	HQC	Công ty cổ phần Tư vấn-Thương mại-Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	100	20	20	-	2,940
72	HSG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	100	50	50	-	16,650
73	HUT	Công ty Cổ phần Tasco	100	50	50	-	13,000
74	IDC	Tổng công ty IDICO - Công ty Cổ phần	100	50	50	-	54,000

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T11/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T10/2026	Thay đổi	
75	IDI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	100	30	20	10	7,950
76	IJC	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	100	40	50	(10)	10,695
77	IMP	Công ty Cổ phần Dược phẩm IMEXPHARM	100	50	50	-	53,625
78	KBC	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-CTCP	100	40	40	-	40,425
79	KDC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	100	40	40	-	75,900
80	KDH	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	100	50	50	-	22,050
81	KSB	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	100	40	40	-	20,700
82	LCG	Công ty cổ phần LICOGI 16	100	30	30	-	10,020
83	LPB	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	100	50	50	-	38,396
84	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	100	50	50	-	29,475
85	MBS	Công ty cổ phần Chứng khoán MB	100	50	50	-	23,100
86	MCH	Công ty cổ phần Hàng tiêu dùng MASAN	100	50	50	-	103,109
87	MSB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam	100	50	50	-	23,625
88	MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan	100	50	50	-	110,100
89	MWG	Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	100	50	50	-	101,404
90	NAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á	100	50	50	-	19,050
91	NAF	Công ty Cổ phần Nafoods Group	100	50	50	-	69,823
92	NCT	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	100	50	50	-	124,500
93	NKG	CTCP Thép Nam Kim	100	50	50	-	12,239
94	NLG	Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long	100	30	40	(10)	34,275
95	NNC	Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ	100	50	50	-	70,875
96	NT2	Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	100	50	50	-	36,225
97	NTP	Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	100	50	50	-	78,600
98	NVL	Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	100	50	50	-	15,825
99	OCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông	100	50	50	-	16,275
100	ORS	Công ty cổ phần Chứng khoán Phương Đông	100	40	40	-	20,199
101	PAC	Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam	100	40	40	-	19,155
102	PAN	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	100	50	50	-	27,375
103	PC1	Công ty cổ phần Xây lắp điện 1	100	50	50	-	28,725
104	PDR	Công ty cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	100	50	50	-	20,000
105	PET	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	100	50	50	-	50,000
106	PGC	Tổng Công ty Gas Petrolimex-CTCP	100	50	50	-	23,175
107	PGD	Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	100	50	50	-	34,350
108	PHR	Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa	100	40	40	-	48,450
109	PLC	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP	100	50	50	-	31,950
110	PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	100	50	50	-	50,259
111	PMC	Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic	100	50	50	-	150,000
112	PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	100	50	40	10	25,575
113	POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	100	50	50	-	18,600

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T11/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T10/2026	Thay đổi	
114	PVB	Công ty cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	100	50	50	-	31,950
115	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	100	50	50	-	15,000
116	PVD	CTCP Khoan và Dịch vụ Dầu Khí	100	50	50	-	20,554
117	PVG	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	100	50	50	-	7,887
118	PVI	Công ty Cổ phần PVI	100	50	50	-	92,400
119	PVP	Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí Thái Bình Dương	100	40	-	40	30,900
120	PVS	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	100	50	50	-	47,700
121	PVT	Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	100	50	50	-	34,800
122	REE	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	100	50	50	-	68,325
123	S99	Công ty Cổ phần SCI	100	30	30	-	10,650
124	SAB	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	100	50	50	-	64,200
125	SAM	Công ty Cổ phần SAM Holdings	100	30	50	(20)	9,135
126	SBT	Công ty cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	100	30	30	-	31,200
127	SCR	Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	100	20	20	-	6,060
128	SCS	Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	100	50	50	-	60,525
129	SHB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	100	50	50	-	16,200
130	SHI	Công ty cổ phần Quốc tế Sơn Hà	70	40	40	-	15,000
131	SHS	CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	100	50	50	-	18,750
132	SIP	Công ty cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG	100	50	50	-	74,550
133	SJS	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	100	50	50	-	81,750
134	SLS	Công ty cổ phần Mía đường Sơn La	100	40	50	(10)	216,900
135	SSB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á	100	50	50	-	20,000
136	SSI	Công ty cổ phần Chứng khoán SSI	100	50	50	-	29,700
137	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	100	50	50	-	67,692
138	SZC	Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức	100	30	30	-	29,700
139	SZL	Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành	100	50	50	-	42,000
140	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)	100	50	50	-	50,325
141	TCH	Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	100	40	40	-	15,185
142	TCM	Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	100	50	50	-	22,950
143	TCX	Công ty cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương	100	50	50	-	39,754
144	TDM	CTCP Nước Thủ Dầu Một	100	30	30	-	48,753
145	TLG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long	100	50	50	-	83,400
146	TNG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	100	50	50	-	27,805
147	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	100	50	50	-	19,050
148	TPP	Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	100	50	50	-	10,400
149	TRC	Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh	100	40	40	-	33,300
150	TTL	Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	100	50	50	-	8,000
151	TV2	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	100	50	40	10	39,075
152	TVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	100	30	30	-	19,050

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T11/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T10/2026	Thay đổi	
153	VAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Á	100	50	50	-	13,500
154	VC3	Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	100	50	50	-	20,000
155	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	100	50	50	-	74,327
156	VCG	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	100	50	50	-	22,875
157	VCI	Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt	100	50	50	-	23,992
158	VCK	Công ty cổ phần Chứng khoán VPS	100	50	50	-	41,400
159	VCS	Công ty cổ phần VICOSTONE	100	50	50	-	46,800
160	VDS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	100	40	40	-	15,600
161	VGC	Tổng Công ty Viglacera - CTCP	100	50	50	-	66,525
162	VGS	Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE	100	40	40	-	28,200
163	VHC	Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	100	50	50	-	76,650
164	VHM	Công ty cổ phần Vinhomes	100	50	50	-	95,250
165	VIB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam	100	50	50	-	21,150
166	VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	100	50	50	-	75,000
167	VIX	Công ty cổ phần Chứng khoán IB	100	50	50	-	12,000
168	VJC	Công ty cổ phần Hàng không VietJet	100	50	50	-	69,900
169	VND	Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	100	50	50	-	20,025
170	VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	100	50	50	-	86,400
171	VOS	Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	100	50	-	50	17,625
172	VPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	100	50	50	-	34,800
173	VPI	Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest	100	50	50	-	40,000
174	VPL	Công ty cổ phần Vinpearl	100	40	40	-	99,654
175	VPX	Công ty cổ phần Chứng khoán VPBank	100	50	50	-	34,950
176	VRE	Công ty Cổ phần Vincom Retail	100	50	50	-	36,600
177	VSC	Công ty cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam	100	30	30	-	21,450
178	VTP	Tổng công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	100	50	50	-	45,000
179	VTZ	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành	100	20	-	20	30,450
180	VVS	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển máy Việt Nam	100	40	-	40	121,650
181	AAM	Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong	-	-			-
182	ABR	công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt	-	-			-
183	ABT	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	-	-			-
184	ACC	Công ty cổ phần Bê tông Becamex	-	-			-
185	ACG	Công ty Cổ phần Gỗ An Cường	-	-			-
186	ACL	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang	-	-			-
187	ADC	Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	-	-			-
188	ADG	Công ty Cổ phần Clever Group	0	-			0
189	ADP	Công ty Cổ phần Sơn Á Đông	0	-			0
190	ADS	Công ty cổ phần Damsan	0	0			0
191	AFX	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang	50	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T11/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T10/2026	Thay đổi	
192	AGR	Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank	50	0			0
193	ALT	Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình	0	0			0
194	AMC	Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu	0	0			0
195	APH	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	0	0			0
196	ARM	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	0	0			0
197	ASG	Công ty cổ phần Tập đoàn ASG	0	0			0
198	ASP	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha	0	0			0
199	AST	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco	0	0			0
200	ATS	Công ty cổ phần Suất ăn công nghiệp Atesco	0	0			0
201	BAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á	0	0			0
202	BAX	Công ty Cổ phần Thống Nhất	0	0			0
203	BBS	Công ty cổ phần VICEM Bao bì Bút Sơn	0	0			0
204	BCF	Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền	0	0			0
205	BED	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng	0	0			0
206	BHN	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	0	0			0
207	BKC	CTCP Khoáng sản Bắc Kan	0	0			0
208	BKG	Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam	0	0			0
209	BMC	Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định	0	0			0
210	BMI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	0	0			0
211	BPC	Công ty cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	0	0			0
212	BRC	Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	0	0			0
213	BTP	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	0	0			0
214	BTT	Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Bến Thành	0	0			0
215	BTW	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	0	0			0
216	BXH	Công ty cổ phần VICEM Bao bì Hải Phòng	0	0			0
217	C32	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2	0	0			0
218	C47	Công ty cổ phần Xây dựng 47	0	0			0
219	C69	Công ty Cổ phần Xây dựng 1369	0	0			0
220	CAG	Công ty Cổ phần Cảng An Giang	0	0			0
221	CAP	Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Yên Bái	0	0			0
222	CCC	Công ty cổ phần Xây dựng CDC	0	0			0
223	CCI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi	0	0			0
224	CCL	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	0	0			0
225	CCR	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	0	0			0
226	CHP	Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung	0	0			0
227	CIA	Cổ phiếu Công ty cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh	0	0			0
228	CJC	CTCP Cơ điện Miền Trung	0	0			0
229	CKG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang	0	0			0
230	CKV	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cokyvina	0	0			0
231	CLC	Công ty Cổ phần Cát Lợi	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T11/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T10/2026	Thay đổi	
232	CLH	Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI	0	0			0
233	CLL	Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	0	0			0
234	CLM	CTCP Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin	0	0			0
235	CLW	Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	0	0			0
236	CMS	Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam	0	0			0
237	CMV	Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	0	0			0
238	CMX	Công ty Cổ phần Camimex Group	0	0			0
239	COM	Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu	0	0			0
240	CPC	Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ	0	0			0
241	CRC	Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam	50	0			0
242	CRE	Công ty cổ phần Bất động sản Thế Kỷ	0	0			0
243	CRV	Công ty cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV	0	0			0
244	CSC	Công ty Cổ phần Tập đoàn COTANA	0	0			0
245	CST	Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV	0	0			0
246	CTB	Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	0	0			0
247	CTF	Công ty cổ phần City Auto	50	0			0
248	CTI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	50	0			0
249	CTP	Công ty cổ phần Hòa Bình Takara	0	0			0
250	CTT	CTCP Chế tạo máy Vinacomin	0	0			0
251	CVT	Công ty Cổ phần CMC	0	0			0
252	D11	Công ty Cổ phần Địa ốc 11	0	0			0
253	D2D	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	0	0			0
254	DAD	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	0	0			0
255	DAH	Công ty cổ phần Tập đoàn Khách sạn Đông Á	0	0			0
256	DAT	Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	0	0			0
257	DBD	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định	0	0			0
258	DBT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	0	0			0
259	DC2	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển - Xây dựng số 2	0	0			0
260	DC4	Công ty Cổ phần DIC số 4	50	0			0
261	DHM	Công ty cổ phần Thương mại và Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu	0	0			0
262	DHP	Công ty Cổ phần Điện Cơ Hải Phòng	0	0			0
263	DHT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây	0	0			0
264	DIH	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An	0	0			0
265	DL1	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai	0	0			0
266	DMC	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	0	0			0
267	DNC	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng	0	0			0
268	DP3	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	0	0			0
269	DRL	Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T11/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T10/2026	Thay đổi	
270	DSC	Công ty cổ phần Chứng khoán DSC	0	0			0
271	DSN	Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	0	0			0
272	DST	Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long	0	0			0
273	DTD	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Thành Đạt	50	0			0
274	DTG	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	0	0			0
275	DTK	Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP	0	0			0
276	DTT	Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành	0	0			0
277	DXP	Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá	50	0			0
278	EBS	Cổ phiếu CTCP Sách giáo dục tại Tp Hà Nội	0	0			0
279	EID	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	0	0			0
280	ELC	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông	50	0			0
281	EVE	Công ty cổ phần Everpia	0	0			0
282	EVG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland	0	0			0
283	EVS	Cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán Everest	50	0			0
284	FCM	Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	0	0			0
285	FDC	Công ty Cổ phần Ngoại thương và Phát triển Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh	0	0			0
286	FIR	Công ty Cổ phần Địa ốc First Real	0	0			0
287	FIT	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	0	0			0
288	GDT	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành	0	0			0
289	GDW	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	0	0			0
290	GHC	Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai	0	0			0
291	GIC	Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh	0	0			0
292	GLT	CTCP Kỹ thuật Điện Toàn Cầu	0	0			0
293	GMH	Công ty cổ phần Minh Hưng Quảng Trị	0	0			0
294	GMX	Công ty cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân	0	0			0
295	GTA	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	0	0			0
296	HAD	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương	0	0			0
297	HAP	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco	0	0			0
298	HAR	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền	0	0			0
299	HAT	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội	0	0			0
300	HCC	Công ty Cổ phần Bê tông Hoà Cầm - Intimex	0	0			0
301	HCD	Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	0	0			0
302	HDA	CTCP Hãng sơn Đông Á	0	0			0
303	HGM	Cổ phiếu CTCP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	0	0			0
304	HHC	Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	0	0			0
305	HHS	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	50	0			0
306	HII	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	0	0			0
307	HJS	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	0	0			0
308	HKT	Công ty Cổ phần Chè Hiệp Khánh	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T11/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T10/2026	Thay đổi	
309	HLC	CTCP Than Hà Lầm - Vinacomin	0	0			0
310	HLD	CTCP Đầu tư và phát triển Bất động sản HUDLAND	0	0			0
311	HMC	Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	0	0			0
312	HMH	Công ty Cổ phần Hải Minh	0	0			0
313	HMR	Công ty cổ phần Đá Hoàng Mai	0	0			0
314	HNA	Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na	0	0			0
315	HPA	Công ty cổ phần Thủy tinh Hưng Phú	0	0			0
316	HPX	Công ty cổ phần Đầu tư Hải Phát	0	0			0
317	HRC	Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình	0	0			0
318	HSL	Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La	0	0			0
319	HT1	Công ty Cổ phần Xi Măng Hà Tiên 1	0	0			0
320	HTC	Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn	0	0			0
321	HTG	Tổng Công ty cổ phần Dệt may Hòa Thọ	0	0			0
322	HTI	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	0	0			0
323	HTL	Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Ô tô Trường Long	0	0			0
324	HTN	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons	50	0			0
325	HTV	Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	0	0			0
326	HU1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	0	0			0
327	HUB	Công ty cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	0	0			0
328	HVH	Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	0	0			0
329	HVT	Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	0	0			0
330	ICG	Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	0	0			0
331	ICT	Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện	0	0			0
332	IDV	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	0	0			0
333	ILB	Cổ phiếu Công ty cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	0	0			0
334	INC	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO	0	0			0
335	INN	Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp	0	0			0
336	IPA	Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	0	0			0
337	ITC	Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà	0	0			0
338	ITQ	Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Quang	0	0			0
339	IVS	Công ty cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam	0	0			0
340	KHG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Khải Hoàn Land	0	0			0
341	KHP	Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	0	0			0
342	KHS	Công ty Cổ phần Kiên Hùng	0	0			0
343	KKC	Công ty Cổ phần Kim khí KKC	0	0			0
344	KMR	Công ty Cổ phần Mirae	0	0			0
345	KMT	Công ty cổ phần Kim khí miền Trung	0	0			0
346	KOS	Công ty Cổ phần Kosy	0	0			0
347	KSF	Công ty cổ phần Tập đoàn KSFinance	0	0			0
348	KST	Công ty cổ phần KASATI	0	0			0
349	KSV	Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	0	0			0
350	KTS	Công ty cổ phần Đường Kon Tum	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T11/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T10/2026	Thay đổi	
351	L10	Công ty cổ phần Lilama 10	0	0			0
352	L14	Công ty CP LICOGI 14	0	0			0
353	L18	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	0	0			0
354	L40	CTCP Đầu tư và Xây dựng 40	0	0			0
355	LAF	Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	0	0			0
356	LAS	Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	50	0			0
357	LBE	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ LVA	0	0			0
358	LBM	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	0	0			0
359	LGC	Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	0	0			0
360	LGL	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang	0	0			0
361	LHC	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	0	0			0
362	LHG	Công ty cổ phần Long Hậu	0	0			0
363	LIX	Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	0	0			0
364	LM8	Công ty Cổ phần Lilama 18	0	0			0
365	LSS	Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	0	0			0
366	MAC	Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	0	0			0
367	MAS	Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	0	0			0
368	MBG	CTCP Tập Đoàn MBG	0	0			0
369	MCC	Công ty Cổ phần Gạch ngói cao cấp	0	0			0
370	MCF	CTCP Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	0	0			0
371	MCM	CTCP Giống bò sữa Mộc Châu	0	0			0
372	MCO	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam	0	0			0
373	MDC	Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin	0	0			0
374	MDG	Công ty Cổ phần miền Đông	0	0			0
375	MEL	Công ty Cổ phần Thép Mê Lin	0	0			0
376	MIG	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội	50	0			0
377	MKV	Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy	0	0			0
378	MSH	Công ty cổ phần May Sông Hồng	50	0			0
379	MST	CTCP Đầu tư MST	50	0			0
380	MVB	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	0	0			0
381	NAG	Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa	0	0			0
382	NAP	Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	0	0			0
383	NAV	Công ty Cổ phần Nam Việt	0	0			0
384	NBB	CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy	0	0			0
385	NBC	Công ty cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin	0	0			0
386	NBW	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	0	0			0
387	NDN	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	0	0			0
388	NDX	CTCP Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T11/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T10/2026	Thay đổi	
389	NET	Công ty Cổ phần Bột giặt Net	0	0			0
390	NFC	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	0	0			0
391	NHC	CTCP Gạch ngói Nhị Hiệp	0	0			0
392	NHH	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	0	0			0
393	NHT	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa	0	0			0
394	NO1	Công ty cổ phần Tập đoàn 911	0	0			0
395	NSC	Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung Ương	0	0			0
396	NSH	Công ty Cổ phần Nhôm Sông Hồng	0	0			0
397	NST	Cổ phiếu CTCP Ngân Sơn	0	0			0
398	NTC	Công ty cổ phần Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên	0	0			0
399	NTH	Cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy điện Nước trong	0	0			0
400	NTL	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm	0	0			0
401	ONE	CTCP Công nghệ ONE	0	0			0
402	OPC	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC	0	0			0
403	PBP	Công ty cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	0	0			0
404	PCE	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	0	0			0
405	PCH	Công ty cổ phần Nhựa Picomat	0	0			0
406	PCT	Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	0	0			0
407	PDB	Công ty Cổ phần Pacific Dinco	0	0			0
408	PDN	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	0	0			0
409	PDV	Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	0	0			0
410	PGI	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	0	0			0
411	PGS	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	0	0			0
412	PGV	Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Phát điện 3	0	0			0
413	PHC	Công ty cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	0	0			0
414	PHN	Công ty Cổ phần Pin Hà Nội	0	0			0
415	PIA	Công ty cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	0	0			0
416	PIC	Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3	0	0			0
417	PJC	Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội	0	0			0
418	PJT	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	0	0			0
419	PMB	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	0	0			0
420	PMG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung	0	0			0
421	PMP	Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	0	0			0
422	PMS	Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	0	0			0
423	POT	Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện	0	0			0
424	PPC	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	50	0			0
425	PPP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú	0	0			0
426	PPS	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T11/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T10/2026	Thay đổi	
427	PPT	Công ty cổ phần Petro Times	0	0			0
428	PPY	CTCP Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	0	0			0
429	PRC	Công ty Cổ phần Logistics Portserco	0	0			0
430	PRE	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	0	0			0
431	PSC	Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	0	0			0
432	PSD	Công ty cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	50	0			0
433	PSE	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	0	0			0
434	PSW	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	0	0			0
435	PTB	Công ty Cổ phần Phú Tài	50	0			0
436	PTC	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	0	0			0
437	PTD	CTCP Thiết kế - Xây dựng - Thương mại Phúc Thịnh	0	0			0
438	PTI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	0	0			0
439	PTS	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	0	0			0
440	PTX	CTCP Vận tải và dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	0	0			0
441	QCG	Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai	0	0			0
442	QHD	Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức	0	0			0
443	QNP	CTCP Cảng Quy Nhơn	0	0			0
444	QST	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh	0	0			0
445	RAL	Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	0	0			0
446	RCL	Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn	0	0			0
447	RYG	Công ty cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia	50	0			0
448	S4A	Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A	0	0			0
449	S55	Công ty Cổ phần Sông Đà 505	0	0			0
450	SAF	Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco	0	0			0
451	SAV	Công ty Cổ phần Hợp tác kinh tế và Xuất nhập khẩu SAVIMEX	0	0			0
452	SBA	Công ty Cổ phần Sông Ba	0	0			0
453	SBG	CTCP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba	50	0			0
454	SC5	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5	0	0			0
455	SCG	Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	0	0			0
456	SCI	Công ty Cổ phần SCI E&C	0	0			0
457	SD5	Công ty Cổ phần Sông Đà 5	0	0			0
458	SD9	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	0	0			0
459	SDN	Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	0	0			0
460	SEB	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện miền Trung	0	0			0
461	SED	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	0	0			0
462	SFC	Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	0	0			0
463	SFG	Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T11/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T10/2026	Thay đổi	
464	SFI	Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	0	0			0
465	SFN	Công ty Cổ phần Dệt lưới Sài Gòn	0	0			0
466	SGC	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sa Giang	0	0			0
467	SGD	Công ty cổ phần Sách Giáo dục tại T.P Hồ Chí Minh	0	0			0
468	SGH	Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn	0	0			0
469	SGN	Công ty cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	0	0			0
470	SGR	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	0	0			0
471	SGT	Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn	0	0			0
472	SHA	Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	0	0			0
473	SHE	Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà	0	0			0
474	SHP	Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam	0	0			0
475	SJ1	Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu	0	0			0
476	SJD	CTCP THUY DIEN CAN DON	0	0			0
477	SJE	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	0	0			0
478	SKG	Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang	0	0			0
479	SMB	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	0	0			0
480	SMC	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	0	0			0
481	SMN	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	0	0			0
482	SMT	Công ty cổ phần SAMETEL	0	0			0
483	SPM	Công ty Cổ phần S.P.M	0	0			0
484	SRC	Công ty Cổ phần Cao Su Sao Vàng	0	0			0
485	SRF	Công ty cổ phần SEAREFICO	0	0			0
486	SSC	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	0	0			0
487	STC	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Tp. Hồ Chí Minh	0	0			0
488	STG	Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	0	0			0
489	STP	Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà	0	0			0
490	SVC	Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn	0	0			0
491	SVT	Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	0	0			0
492	SZB	Công ty cổ phần Sonadezi Long Bình	0	0			0
493	TA9	Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96	0	0			0
494	TAL	Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco	50	0			0
495	TBC	Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà	0	0			0
496	TCI	CTCP Chứng Khoán Thành Công	0	0			0
497	TCL	Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	0	0			0
498	TCO	Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	50	0			0
499	TCT	Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	0	0			0
500	TD6	Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV	0	0			0
501	TDC	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T11/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T10/2026	Thay đổi	
502	TDG	Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương	0	0			0
503	TDP	Công ty cổ phần Thuận Đức	50	0			0
504	TDT	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT	0	0			0
505	TDW	CTCP CAP NUOC THU DUC	0	0			0
506	TEG	Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành	0	0			0
507	TET	Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc	0	0			0
508	TFC	Công ty Cổ phần Trang	0	0			0
509	THB	Công ty cổ phần Bia Thanh Hóa	0	0			0
510	THD	Công ty Cổ phần Thaiholdings	0	0			0
511	THG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	0	0			0
512	THS	Công ty cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà	0	0			0
513	THT	Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin	0	0			0
514	TIG	Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	50	0			0
515	TIP	Công ty cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Tín Nghĩa	0	0			0
516	TIX	CTCP Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình	0	0			0
517	TJC	Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại	0	0			0
518	TKU	CTCP Công nghiệp Tungkuang	0	0			0
519	TLD	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long	0	0			0
520	TMB	Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin	0	0			0
521	TMC	Công ty Cổ phần Thương mại - Xuất nhập khẩu Thủ Đức	0	0			0
522	TMP	Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ	0	0			0
523	TMS	Công ty Cổ phần Transimex	0	0			0
524	TMX	Công ty cổ phần VICEM Thương mại Xi măng	0	0			0
525	TN1	Cổ phiếu Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings	0	0			0
526	TNI	Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Nam	0	0			0
527	TNT	Công ty Cổ phần Tài nguyên	0	0			0
528	TOT	CTCP Transimex Logistics	0	0			0
529	TPC	Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng	0	0			0
530	TRA	Công ty Cổ phần TRAPHACO	0	0			0
531	TSA	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn	0	0			0
532	TTA	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành	50	0			0
533	TTC	Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	0	0			0
534	TTE	Công ty cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh	0	0			0
535	TTT	Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh	0	0			0
536	TV3	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	0	0			0
537	TV4	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	0	0			0
538	TVB	Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	0	0			0
539	TVD	Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T11/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T10/2026	Thay đổi	
540	TVT	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	0	0			0
541	TYA	Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam	0	0			0
542	UIC	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Idico	0	0			0
543	V12	Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	0	0			0
544	V21	Công ty Cổ phần VINACONEX 21	0	0			0
545	VBC	Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh	0	0			0
546	VC1	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	0	0			0
547	VC6	Công ty Cổ phần Vinaconex 6	0	0			0
548	VC7	Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	0	0			0
549	VCC	Công ty Cổ phần Vinaconex 25	0	0			0
550	VCF	Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	0	0			0
551	VCM	CTCP BV LIFE	0	0			0
552	VDL	CTCP Thực phẩm Lâm Đồng	0	0			0
553	VDP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương VIDIPHA	0	0			0
554	VFG	Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam	0	0			0
555	VFS	Công ty cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	50	0			0
556	VGP	CTCP Cảng rau quả	0	0			0
557	VHE	Cô phiêu Công ty cô phần Dược liệu và Thực phâm Việt Nam	0	0			0
558	VIF	Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP	0	0			0
559	VIP	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	0	0			0
560	VLA	CTCP Đầu tư và phát triển công nghệ Văn Lang	0	0			0
561	VMS	CTCP Phát triển Hàng hải	0	0			0
562	VNC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol	0	0			0
563	VNF	Công ty cổ phần Vinafreight	0	0			0
564	VNL	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	0	0			0
565	VNR	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam	0	0			0
566	VNT	CTCP Giao nhận Vận tải Ngoại thương	0	0			0
567	VPD	CTCP Phát triển Điện lực Việt Nam	0	0			0
568	VPS	CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam	0	0			0
569	VRC	Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC	0	0			0
570	VSA	Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	0	0			0
571	VSH	CTCP Thuỷ Điện Vĩnh Sơn -Sông Hinh	0	0			0
572	VSI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	0	0			0
573	VSM	Công ty Cổ phần Container Miền Trung	0	0			0
574	VTH	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	0	0			0
575	VTO	CTCP Vận Tải Xăng Dầu VITACO	50	0			0
576	WCS	Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	0	0			0
577	WSS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall	0	0			0
578	X20	Công ty cổ phần X20	0	0			0
579	YEG	Công ty cổ phần Tập đoàn Yeah1	0	0			0